

Bản án số:11 /2021/HNGĐ-PT

Ngày: 15/9/2021

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường

Ông Nguyễn Minh Tân

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 14/TLPT-HNGĐ ngày 02/8/2021, về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ- ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXPT – HNGĐ ngày 23/8/2021giữa:

1. Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT : Số 19/68 Nguyễn T, phường M, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay : Thôn B, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn : Anh Đào Trí T, sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT : Số 19/68 Nguyễn T, phường M, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3. Người kháng cáo : Anh Đào Trí T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Đào Trí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố H vào năm 2006. Sau

khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình nhà anh T ở số 19/68 Nguyễn T, phường M, Thành phố H. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy các con. Do vậy vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Hai bên đã được gia đình động viên nên chị vẫn tiếp tục sống cùng anh T. Năm 2014, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị và các con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, thị trấn L, huyện C sinh sống. Vì hoàn cảnh kinh tế nên tháng 12 năm 2014, chị đi lao động xuất khẩu ở Malaysia và gửi các con cho bố mẹ đẻ chăm sóc. Đến tháng 02/2020 chị về Việt Nam ở hẵn nhưng không sống cùng anh T. Trong suốt thời gian chị ở nước ngoài, chị và anh T không liên lạc với nhau. Anh T gần như không chu cấp kinh tế để nuôi các con. Khi chị về nước, anh T có đến tìm gặp chị gây sự chửi bới, xúc phạm, không có ý đoàn tụ. Tháng 10/2020, chị nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng cho nhau cơ hội đoàn tụ. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng không cải thiện được nên chị không về sống cùng anh T. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Trong thời gian lao động ở nước ngoài, chị có nghe nói anh T điều trị bệnh ở Bệnh viện tâm thần Hải Dương, nhưng không rõ bệnh gì. Hiện tại, sức khỏe của anh T bình thường.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Đào Minh B, sinh ngày 09/9/2007 và Đào Minh Q, sinh ngày 16/8/2011. Hiện tại các con đang ở cùng với chị tại nhà của bố mẹ chị từ năm 2014 cho đến nay. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Lý do chị xin nuôi cả hai con vì nguyện vọng các con đều muốn được ở với chị. Các cháu có chỗ ăn, học ổn định, sức khỏe và tâm sinh lý phát triển bình thường nên chị không muốn thay đổi cuộc sống của các cháu khi vợ chồng ly hôn. Hiện, chị là công nhân của công ty TNHH công nghiệp Brother Việt Nam ở khu công nghiệp Phúc Đ, Cẩm P, Cẩm G, Hải Dương, thu nhập hàng tháng khoảng từ 07 đến 08 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi các con.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhà và đất anh T đang ở là của bố mẹ đẻ anh T để lại, chị không tranh chấp hay đòi hỏi bất kỳ quyền lợi gì liên quan đến nhà, đất này. Còn thu nhập của chị ở nước ngoài, vì đi làm công nhân, thu nhập không cao nên chỉ đủ chi phí sinh hoạt cho cá nhân và nuôi hai con ăn học.

- *Về nợ chung*: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Trí T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Về việc kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng như chị D trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống của hai người khác nhau. Anh là người sống nguyên tắc, còn chị D sống tùy tiện, theo ý mình. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị D bỏ nhà đi rất nhiều lần. Từ cuối năm 2013, chị D bỏ nhà đi hẵn, không chung sống cùng anh. Sau đó, chị D tự ý đi nước ngoài, không được sự đồng ý của anh. Việc chị D bỏ nhà, sau đó đi nước ngoài đã tạo dư luận cho anh là người chồng không tốt.

Gia đình cưỡng bức anh nhập viện điều trị về tâm thần, chị D khi đó ở nước ngoài không có trách nhiệm, không quan tâm và bảo vệ anh. Sau khi chị D về nước, chị cũng không chung sống cùng với anh. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị D nên anh không đồng ý ly hôn.

Hiện nay sức khỏe của anh bình thường, tinh thần minh mẫn, tỉnh táo, không điều trị bệnh và uống thuốc về tâm thần.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung như chị D trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả 2 con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Lý do là vì chị D hiện đang ở nhờ nhà bố mẹ, còn anh có nhà đất, có chỗ ở riêng; anh nuôi con để sau này định hướng cho các con có con đường đi đúng. Sáu năm nay, anh không có việc làm và thu nhập ổn định nhưng anh vẫn luôn quan tâm, chăm sóc cho các con. Nếu được nuôi con, anh sẽ tìm công việc ổn định để nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Nhà, đất chị D không yêu cầu nên anh phải chịu. Về khoản thu nhập của chị D ở nước ngoài, vì anh không có tài liệu chứng minh, hơn nữa chị D xác nhận là không có tiền tích lũy, nên anh đồng ý, không yêu cầu gì về khoản tiền này.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Đào Trí T.

2. *Về quan hệ con chung*: Chị D và anh T có hai con chung là Đào Minh B, sinh ngày 09/9/2007 và Đào Minh Q, sinh ngày 16/8/2011.

Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung Đào Minh B và Đào Minh Q cho đến khi các con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/7/2021 anh Đào Trí T có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của chị D, tạo điều kiện để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy, chăm sóc con chung.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Chị D có quan điểm không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh T. Chị xác định vợ chồng sống ly thân

đã lâu, cả hai không còn tình cảm nên không thể chung sống cùng nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị D đã trầm trọng, không còn hạnh phúc. Anh T mong muốn được đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đào Trí T kháng cáo trong thời gian luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của anh Đào Trí T, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình lấy lời khai và tại phiên tòa, anh T, chị D đều xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2014, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị D, mong muốn được đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên trong suốt thời gian từ tháng 2/2020 khi chị D về Việt Nam cho đến nay anh T không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Cũng năm 2020 chị D đã làm đơn ly hôn, sau đó rút đơn ly hôn để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng không có kết quả. Như vậy có thể xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử cho chị D được ly hôn anh T là có căn cứ.

Anh T kháng cáo không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng vợ chồng. Hiện anh và chị D vẫn sống mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T.

[3] về án phí: Anh T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Đào Trí T. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2021/HNGĐ-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương về quan hệ hôn nhân như sau:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Đào Trí T.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Đào Trí T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2018/0005297 ngày 09/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự thành phố H;
- Các Đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền